TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Lâm Tự.

2. Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Sơn Thị L, sinh năm 1993. (vắng mặt, có đơn)
Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn*: Anh Trần Công T, sinh năm 1995. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và đơn yêu cầu thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện ngày 27/01/2023, chị Sơn Thị L trình bày: Chị và anh Trần Công T tổ chức tiệc cưới và có đăng kí kết hôn vào ngày 17-6-2016 tại Uỷ ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng và có với nhau một người con chung tên Trần Công Nhật K, sinh ngày 21/11/2016. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường cự cải do khác quan điểm nên đã ly thân từ năm 2021, con chung Trần Công Nhật K sống với anh T. Chị yêu cầu ly hôn với anh T, giao con chung

cho anh T nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Công T vắng mặt tại phiên toà, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2022, anh T trình bày ý kiến: Thống nhất nội dung trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, về tài sản chung, nợ chung không có. Anh đồng ý ly hôn với chị L, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Trần Công Nhật K, sinh ngày 21/11/2016 và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng đương sự đã được tống đạt hợp lệ và nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đúng quy định. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh Trần Công T, giao con chung là Trần Công Nhật K, sinh ngày 21/11/2016 cho anh T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đối với tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ và nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 17-6-2016 và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn (bút lục 06) nên xác định hôn nhân của họ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*, như vậy Chị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng qua lời trình bày của chị L và anh T thì vợ chồng đã sống ly thân từ

năm 2021 và hiện không còn tình cảm không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chi Loan và anh T có một người con chung là cháu Trần Công Nhật K, sinh ngày 21/11/2016, hiện cháu sống chung với anh T. Chị L đồng ý giao con, anh T có nguyện vọng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận giao cháu K cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn chị Sơn Thị L phải chịu theo quy định.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Sơn Thị L được ly hôn với anh Trần Công T

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Công Nhật K, sinh ngày 21/11/2016 cho anh Trần Công T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Khiêm thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Sơn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Sơn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002859 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND xã Thạnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Tuyết Kha